

BỘ TƯ PHÁP

VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỤ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ - HÀNH CHÍNH

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Luật tiếp cận thông tin được Quốc hội thông qua ngày 6/4/2016. Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 19/4/2016. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018.

I. Sự cần thiết ban hành Luật tiếp cận thông tin

Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, của công dân thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp quốc năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường.

Ở nước ta, Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên xác định quyền được thông tin là quyền cơ bản của công dân. Cụ thể hóa Hiến pháp, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng một xã hội cởi mở hơn về thông tin và một Chính phủ công khai, minh bạch hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước, góp phần đưa chủ trương “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” từng bước đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện quyền được thông tin và pháp luật về quyền được thông tin của công dân ở nước ta thời gian qua còn có những vướng mắc, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Cụ thể là:

Thứ nhất, về mặt thể chế, pháp luật hiện hành quy định chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ và chưa thống nhất về bảo đảm quyền được thông tin của công

dân theo tinh thần Hiến pháp năm 1992 và quyền tiếp cận thông tin của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Cụ thể như sau:

- Hiến pháp năm 2013 kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được thông tin của công dân và sửa đổi thành quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 25). Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định các nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin; khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân (Điều 3), quy định nguyên tắc quyền con người, quyền công dân “chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (Điều 14).

Qua rà soát pháp luật hiện hành về bảo đảm và thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trong các lĩnh vực cho thấy, pháp luật chưa xác định rõ quyền tiếp cận thông tin và nội hàm của quyền tiếp cận thông tin; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; chưa thể hiện rõ tinh thần của Hiến pháp về trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, cũng như các nguyên tắc, điều kiện hạn chế thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Một số văn bản dưới luật có quy định mang tính hạn chế quyền tiếp cận thông tin của công dân hoặc quy định hạn chế quyền tiếp cận thông tin không thuộc một trong các trường hợp được hạn chế theo quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

- Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước (Điều 2), đồng thời xác định trách nhiệm giám sát nhà nước, giám sát và phản biện xã hội của cơ quan đại diện nhân dân (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Điều này đòi hỏi phải tăng cường tính minh bạch, công khai trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và Chính phủ, bộ máy hành chính nói riêng - đây được coi là yếu tố then chốt của quản trị nhà nước, là một biểu hiện của “tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ”¹ và là công cụ giúp phòng, chống tham nhũng, tạo điều kiện để công dân tham

¹ Theo Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

gia quản lý nhà nước và xã hội, tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ về cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước và giám sát của xã hội đối với việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Pháp luật hiện hành quy định chưa rõ và thống nhất về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; về cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin; về phương thức, hình thức, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin, do đó, chưa tạo cơ chế pháp lý đầy đủ, chặt chẽ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, việc tiếp cận thông tin của công dân còn hạn chế:

- Nhu cầu thông tin của công dân đang ngày càng gia tăng, nhất là các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (như thông tin trong lĩnh vực quy hoạch đất đai, giao thông, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng,...). Trong khi đó, việc công khai và cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin một cách chủ động, nhanh chóng và thuận tiện².

Trên thực tế, phạm vi thông tin được công khai, hình thức công khai thông tin cũng như quy trình, thủ tục tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu tại các cơ quan nhà nước chưa được thực hiện thống nhất, còn phụ thuộc vào quyết định của từng cơ quan và thái độ phục vụ của công chức trực tiếp tiếp nhận yêu cầu. Việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân về hoạt động của các cơ quan nhà nước, về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình còn hạn chế, nên người dân chưa thể chủ động thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, cũng như tham gia vào các hoạt động của Nhà nước và xã hội, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, giúp Nhà nước hoạch định chính sách, pháp luật vừa sát thực tế, vừa hợp với lòng dân, bảo đảm điều

² Dự án điều tra cơ bản “Nhu cầu tiếp cận thông tin và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức”.

hành và quản trị xã hội hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin còn nhiều bất cập đã dẫn đến nhiều hệ lụy như một bộ phận cán bộ, công chức lợi dụng vị trí đặc quyền nắm giữ thông tin để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực.

- Công dân chưa được bảo đảm cung cấp thông tin một cách chính thống bởi các cơ quan nhà nước tạo ra thông tin. Trên thực tế, việc cơ quan nhà nước không cung cấp thông tin chính thống, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong một số trường hợp đã tạo cơ hội cho những thông tin không đúng sự thật, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội, ảnh hưởng tới sự đồng thuận xã hội trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật.

Việc không minh bạch, kịp thời trong cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước cũng tạo nên sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, đồng thời dẫn đến nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cá nhân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước; gây khó khăn cho việc xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, cản trở quá trình hội nhập quốc tế, từ đó làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh và sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ ba, qua nghiên cứu một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như đã báo cáo ở trên cho thấy, mặc dù chúng ta đã nội luật hóa các quy định liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của các điều ước này trong một số luật như Luật phòng, chống tham nhũng, Luật bảo vệ môi trường... nhưng vẫn chưa đầy đủ, chưa bảo đảm tính tương thích với cam kết quốc tế này. Trong khi đó, trên bình diện quốc tế cũng như ở phạm vi quốc gia, quyền tiếp cận thông tin ngày càng được công nhận rộng rãi. Nhiều điều ước, hiệp ước quốc tế, kế hoạch hành động, tuyên bố quốc tế đã đưa ra những yêu cầu có tính ràng buộc hoặc khuyến nghị các quốc gia thành viên ban hành văn bản pháp luật ghi nhận quyền tiếp cận thông tin. Nhiều nước công nhận tầm quan trọng của tiếp cận thông tin không chỉ với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người mà còn là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao khả năng điều hành của chính phủ, tăng cường tính minh bạch, phòng và chống tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan chính phủ. Trên thế giới, đến nay đã có khoảng 100 nước ban hành đạo luật riêng quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân. Nước đầu tiên ban hành luật là Thụy Điển (năm

1766), đa số các nước còn lại ban hành luật vào những năm 90 trở lại đây. Ở châu Á, một số nước đã ban hành luật về tiếp cận thông tin như Thái Lan (năm 1997), Hàn Quốc (năm 1996 và sửa đổi năm 2004, năm 2008), Nhật Bản (năm 2001), Ấn Độ (năm 2005), Trung Quốc (năm 2007), Inđônêxia (2008)...

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Luật tiếp cận thông tin là rất cần thiết. Việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin với tư cách là quyền cơ bản của công dân có ý nghĩa làm tiền đề, điều kiện cho việc thực hiện các quyền tự do dân chủ khác của con người, của công dân mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định, như quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền bầu cử, ứng cử, quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí... Vì vậy, Luật tiếp cận thông tin được Ủy ban thường vụ Quốc hội xác định là một trong những dự án luật được ưu tiên ban hành trong nhóm các dự án luật liên quan đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân nhằm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH ngày 02/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

II. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

1. Thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng về "mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người", "tạo cơ chế nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp", "bảo đảm quyền được thông tin" của công dân.

2. Cụ thể hóa đầy đủ tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan.

3. Bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; tiến hành thận trọng, mở dần từng bước và phải phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước.

III. Bố cục của Luật tiếp cận thông tin

Luật gồm 5 chương, 37 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I - Những quy định chung (16 điều, từ Điều 1 đến Điều 16) gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, quyền tiếp cận thông tin của công dân; nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin; thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin; cách thức tiếp cận thông tin; các hành vi bị nghiêm cấm; chi phí tiếp cận thông tin; giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; khiếu nại, khởi kiện, tố cáo; xử lý vi phạm; áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin.

- Chương II - Công khai thông tin (6 điều, từ Điều 17 đến Điều 22) gồm các quy định về thông tin phải được công khai, hình thức, thời điểm công khai thông tin, việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết và xử lý thông tin không chính xác.

- Chương III- Cung cấp thông tin theo yêu cầu (10 điều, từ Điều 23 đến Điều 32) gồm các quy định về loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu; hình thức yêu cầu cung cấp thông tin; hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu; tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin, trình tự cung cấp thông tin thông qua mạng điện tử, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin thông qua dịch vụ bưu chính, fax và xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác.

- Chương IV - Trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (3 điều, từ Điều 33 đến Điều 35) gồm các quy định về các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Chương V - Điều khoản thi hành (2 điều, Điều 36 và Điều 37) gồm quy định về điều khoản áp dụng và hiệu lực thi hành.

III. Nội dung cơ bản của Luật tiếp cận thông tin

1. Về một số quy định chung

- *Về phạm vi điều chỉnh của Luật:* Luật này quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 1).

- *Khái niệm thông tin, thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra:*

Theo quy định của Luật, *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra (khoản 1 Điều 2).

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan nhà nước thường nắm giữ hai loại thông tin, đó là, thông tin do chính cơ quan mình tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thông tin do mình nắm giữ vì nhận được từ cơ quan khác gửi cho mình. Tuy nhiên, về nguyên tắc, cơ quan nhà nước chỉ có trách nhiệm trực tiếp cung cấp đối với những thông tin do chính mình tạo ra.

Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó **ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản (khoản 2 Điều 2).**

- *Về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin:*

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân, tạo tiền đề cho việc hưởng các quyền và lợi ích khác và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin mang lại ý nghĩa, lợi ích thực sự cho người dân, không mang tính hình thức, cũng như để thể chế hóa nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về việc ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Luật đưa ra nguyên tắc là mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân

tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác; Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 3).

- *Về hành vi bị nghiêm cấm:*

Công dân có quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Tuy nhiên quyền tiếp cận thông tin không phải là quyền không có giới hạn, do đó, trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin công dân và cơ quan nhà nước đều có nghĩa vụ nhất định và không được thực hiện các hành vi cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin; cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực; cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức; cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

- *Về chi phí tiếp cận thông tin:*

Cung cấp thông tin là trách nhiệm của nhà nước, do vậy, Luật không đặt ra việc thu phí hay lệ phí tiếp cận thông tin, trừ trường hợp luật khác có quy định. Người yêu cầu cung cấp thông tin chỉ phải trả các chi phí thực tế cho việc in ấn, sao chụp, gửi thông tin. Về mức chi phí cụ thể, việc quản lý và sử dụng chi phí cung cấp thông tin, Luật ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể.

2. Về chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Cụ thể hóa quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 “*Công dân có quyền ... tiếp cận thông tin*”, Luật quy định chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin là công dân (khoản 1 Điều 4). Bên cạnh đó, Luật còn quy định việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi thực hiện quyền tiếp cận thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật (khoản 2, khoản 3 Điều 4).

Đối với các trường hợp là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được bảo hộ một số quyền, lợi ích chính đáng theo nguyên tắc đối xử quốc gia hoặc có đi có lại, bởi vậy, Luật quy định họ chỉ được yêu cầu cung cấp những thông tin có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ (khoản 1 Điều 36).

3. Về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo Luật điều chỉnh mối quan hệ về tiếp cận thông tin giữa Nhà nước và công dân, do đó, Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước từ cơ quan hành pháp, tư pháp đến cơ quan lập pháp cung cấp thông tin cho công dân; đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Điều cần lưu ý là các cơ quan chỉ có trách nhiệm cung cấp các thông tin thuộc phạm vi thông tin được tiếp cận và do mình tạo ra. Riêng đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện khó khăn, để tạo thuận lợi cho công dân trong việc yêu cầu cung cấp thông tin và căn cứ vào thực tiễn nắm giữ thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (là nơi tiếp nhận hầu hết các thông tin chính thức của các cơ quan nhà nước cấp trên như các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật... và là cấp cơ sở gần với người dân nhất, nơi cung cấp và giải đáp mọi nhu cầu, vướng mắc cho người dân), Luật giao thêm trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc cung cấp thông tin do mình nhận được từ cơ quan khác để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Cơ quan nhà nước trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, trừ các trường hợp sau đây:

(i) Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(ii) Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(iii) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(iv) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(v) Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp

thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(vi) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(vii) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(viii) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

(ix) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong hệ thống tổ chức của mình.

4. Cách thức tiếp cận thông tin

Luật quy định công dân được tiếp cận thông tin bằng hai cách thức:

(i) Tự do tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước công khai; (ii) Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin (Điều 10).

5. Phạm vi thông tin được tiếp cận

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc xác định phạm vi thông tin mà mình được tiếp cận, Luật quy định về thông tin công dân được tiếp cận (Điều 5), thông tin công dân không được tiếp cận (Điều 6) và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 7). Theo đó, công dân được tiếp cận tất cả thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định của Luật này, trừ thông tin công dân không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật và được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật.

Thông tin công dân không được tiếp cận đó là (i) Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật. (ii) Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến

quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện đó là (i) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý. (ii) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý. (iii) Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Trên cơ sở 02 cách thức tiếp cận được quy định tại Điều 10, Luật quy định cụ thể phạm vi thông tin mà cơ quan nhà nước phải công khai và cung cấp theo yêu cầu, bao gồm:

5.1. Thông tin các cơ quan nhà nước phải công khai

Nhằm bảo đảm cho thông tin được công khai và phổ biến đến người dân ở phạm vi rộng nhất, Luật quy định các loại thông tin và cách thức công khai thông tin trên trang/cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và đăng Công báo, niêm yết. Theo đó, Luật quy định các thông tin phải được công khai tại khoản 1 Điều 17 bao gồm (i) *Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;* (ii) *Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;* (iii) *Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc*

thâm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính; (iv) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước; (v) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước; (vi) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ; (vii) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; (viii) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước,...

Nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai các thông tin, từ đó sẽ giảm tải cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, giảm chi phí hành chính cũng như chi phí tiếp cận thông tin cho người dân, Luật cũng quy định: ngoài thông tin quy định tại khoản 1 nêu trên, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ (khoản 2 Điều 17); và quy định các thông tin cụ thể bắt buộc phải đăng tải trên trang thông tin/cổng thông tin điện tử để người dân có thể tiếp cận (Điều 19).

Bên cạnh đó, Luật quy định cụ thể các hình thức, thời điểm công khai thông tin, trong đó có quy định về việc công khai thông tin trên cổng thông

tin điện tử, trang thông tin điện tử, trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết.

5.2. Thông tin được cung cấp theo yêu cầu

Các loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu quy định tại Điều 23 bao gồm: (i) thông tin phải được công khai nhưng: chưa được công khai; đã hết thời hạn công khai hoặc đang được công khai nhưng vì lý do khách quan người yêu cầu không thể tiếp cận; (ii) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp theo quy định tại Điều 7 của Luật này; (iii) Thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 của Luật này và khoản 2 Điều này.

Tương tự như đối với thông tin các cơ quan nhà nước phải công khai, nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu và giảm chi phí cho công dân trong việc tiếp cận thông tin, Luật cũng quy định: Ngoài thông tin quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

6. Quy trình tiếp cận thông tin theo yêu cầu của công dân

Khi có yêu cầu cung cấp thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin có thể yêu cầu cung cấp thông tin bằng trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin hoặc gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.

Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu được thực hiện bằng hình thức trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin hoặc qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax. Về nguyên tắc, cơ quan nhà nước được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp và khả năng của cơ quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu. Trường hợp Phiếu yêu

cầu cung cấp thông tin chưa đầy đủ, chưa rõ ràng các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu bổ sung. Trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin trong các trường hợp: (i) Thông tin quy định tại Điều 6 của Luật này; thông tin không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 7 của Luật này; (ii) Thông tin được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này; (iii) Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp; (iv) Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng; (v) Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan; (vi) Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax.

Luật quy định trình tự, thủ tục, thời hạn cung cấp thông tin theo yêu cầu trên tinh thần bảo đảm cho công dân được cung cấp thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém nhất. Cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm xem xét, giải quyết kịp thời yêu cầu cung cấp thông tin theo trình tự và thời hạn luật định.

Theo đó, Luật quy định trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin (Điều 29); trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua mạng điện tử (Điều 30) và trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (Điều 31). Cụ thể: (i) đối với yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản, có sẵn và có thể cung cấp ngay, cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin ngay cho người yêu cầu hoặc trong thời hạn chậm nhất là 03 hoặc 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; (ii) đối với các thông tin phức tạp thì thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 15 ngày làm việc.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm

kiểm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn tùy thuộc vào cách thức cung cấp thông tin tối đa không quá 10 hoặc 15 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo cho người yêu cầu về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

7. Xử lý thông tin công khai không chính xác và thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác

Nhằm đảm bảo thông tin được cung cấp phải kịp thời, chính xác, đầy đủ, Luật quy định cụ thể về các trường hợp, trách nhiệm của các cơ quan công khai không chính xác và thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, đồng thời quy định về thời gian, hình thức để đính chính, công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, kịp thời (Điều 22, Điều 32).

8. Biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân

Điều 33 của Luật quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, đó là:

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin.

- Bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan.

- Cung cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và các điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử.

9. Về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân

Để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật quy

định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin; lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin có trách nhiệm cung cấp, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, kịp thời, dễ dàng tra cứu; rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp... Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp và quy trình bảo vệ thông tin và bảo vệ các hệ thống quản lý thông tin. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh mình, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ.

IV. Các tác động chính sách của Luật đến người dân và xã hội

1. Về mặt lợi ích

- *Tác động về kinh tế:* việc tăng cường và mở rộng thông tin cũng có nghĩa là tăng cường và nâng cao tri thức, có thể đem đến những chuyển biến cơ bản trong việc sản xuất sản phẩm và dịch vụ. Thông tin công khai, minh bạch còn giúp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng cho mình các kế hoạch đầu tư dài hạn, tin tưởng vào kế hoạch kinh doanh. Các doanh nghiệp được bình đẳng trong việc khai thác những thông tin về quy hoạch, chính sách thuế để lập kế hoạch đầu tư dài hạn. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí kinh doanh và các rủi ro khi đầu tư, từ đó thu hút đầu tư và tạo công ăn việc làm nhiều hơn. Tăng cường tiếp cận thông tin cũng đồng thời giảm cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tăng tỷ số doanh thu của doanh nghiệp, tăng đầu tư có chất lượng cao. Như vậy, việc ban hành Luật sẽ là tiền đề cho đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tăng lên vì các hoạt động đầu tư chủ yếu dựa vào tính ổn định, sự minh bạch và thông tin thị trường, giảm tham nhũng, có nghĩa là nếu việc tiếp cận thông tin được tốt hơn, thì sẽ thúc đẩy nhiều đầu tư hơn, do đó, kinh tế tăng trưởng ổn định hơn.

- *Về tăng hiệu quả quản lý nhà nước:* từ cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ hình thành cơ chế giám sát có hiệu quả từ công chúng tới các hoạt động của cơ quan công quyền, đặc biệt là các cơ quan hành chính, qua đó, các cơ quan này cũng sẽ hoạt động có hiệu quả và trách nhiệm hơn.

Trên cơ sở được biết thông tin người dân mới kịp thời kiến nghị lên các cơ quan nhà nước để hoàn thiện chính sách, pháp luật. Việc phản hồi từ phía người dân sẽ giúp các cơ quan nhà nước cân nhắc, lựa chọn và đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với lòng dân, tăng hiệu quả của chính sách. Cơ chế thông tin hai chiều giữa Nhà nước và công dân sẽ giúp cho việc quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả hơn, tăng tính trách nhiệm của công dân cũng như của các cơ quan công quyền.

- *Tác động lên khu vực tư nhân*: doanh nghiệp và người dân không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm văn bản; giảm rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nhờ giảm rủi ro phát sinh từ việc nhầm lẫn và không chắc chắn về các nghĩa vụ pháp lý liên quan; các rủi ro đối với người dân cũng giảm; giảm chi phí kiện tụng, chi phí nghiên cứu pháp luật đối với doanh nghiệp; giảm vi phạm pháp luật và khiếu nại, khiếu kiện. Việc tiếp cận thông tin dễ dàng sẽ khắc phục những thiệt hại, các chi phí cho người dân và chi phí cơ hội cho doanh nghiệp (ví dụ: nếu biết rõ quy hoạch xây dựng thì người dân, doanh nghiệp sẽ đỡ tốn kém, thiệt hại khi xây dựng các công trình, nhà ở; người dân kịp thời được cung cấp các thông tin nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn tính mạng sẽ khắc phục được tình trạng sử dụng sữa nghèo dinh dưỡng như vừa qua hay khắc phục được tình trạng gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường sống của người dân...).

- *Về cải thiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân*: việc người dân có đầy đủ các nguồn thông tin giúp họ đóng vai trò chủ động hơn trong xã hội và đóng góp cho Nhà nước và phát triển. Người dân cũng tin tưởng hơn vào Nhà nước và sẵn sàng, chủ động đóng góp xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy định pháp luật. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cũng đồng thời bảo đảm sự công bằng, tăng lòng tin của người dân đối với Nhà nước. Thông qua việc lắng nghe ý kiến phản hồi từ công chúng, mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân còn được củng cố và tăng cường.

- *Tác động tích cực đến sự tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp*: Việc tiếp cận đầy đủ thông tin sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho việc thi hành văn bản của mọi đối tượng trong xã hội. Văn bản pháp luật (gồm cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản điều hành hành chính) sẽ được thực thi và tuân thủ tốt hơn. Sự nhầm lẫn và không chắc chắn về

thông tin chính thức của các cơ quan nhà nước (trong đó có pháp luật) sẽ làm tăng sự không tuân thủ, làm giảm lợi ích của các chính sách công được đưa ra nhằm bảo vệ môi trường, con người. Do đó, cung cấp thông tin đầy đủ sẽ làm giảm cấp độ không tuân thủ pháp luật. Nhờ biết đầy đủ thông tin, các doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được chi phí trong việc tuân thủ quy định vì họ đã có thời gian để chuẩn bị các điều kiện thi hành văn bản. Ngoài ra, khi người dân có nhiều thông tin, sẽ nâng cao hiểu biết và nhận thức, người dân cũng tự giác thực hiện chính sách, pháp luật hơn.

2. Về mặt chi phí

Việc thực thi Luật tiếp cận thông tin và bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin sẽ làm tăng chi phí ngân sách nhà nước để các cơ quan thực hiện trách nhiệm công khai rộng rãi thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu cũng như chi phí phát sinh cho cả doanh nghiệp, cá nhân. Các chi phí này bao gồm:

- Chi phí cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết lập, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin; đặc biệt là chi phí cho việc thiết lập và duy trì trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức cung cấp, công khai thông tin; chi phí cho việc lưu trữ và cập nhật dữ liệu, thông tin; công khai thông tin rộng rãi;

- Chi phí cho nhân lực thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin; chi phí cho việc giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin³, chi phí cho việc theo dõi, đánh giá hàng năm việc thi hành Luật;

- Chi phí tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chúng về quyền tiếp cận thông tin (chi phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và in ấn các tờ rơi vì công chúng sẽ cần được giáo dục về quyền và nghĩa vụ của họ liên quan đến thông tin);

- Chi phí nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức... (có thể công việc thực thi sẽ phải bắt đầu từ việc giáo dục và hướng dẫn cụ thể

³ Ví dụ, theo kinh nghiệm quốc tế, việc ban hành Luật sẽ làm phát sinh đáng kể số yêu cầu cung cấp thông tin (ở Bulgaria, cứ 8 triệu dân thì có 13.000 yêu cầu; Croatia cứ 4 triệu dân có 3.000 yêu cầu; Romania cứ 20 triệu dân thì có 16.800 yêu cầu. Giả sử Việt Nam, với 87 triệu dân, có thể lên đến 68.000 yêu cầu/năm nếu như so sánh với dân số Romania

cho những người trực tiếp cung cấp thông tin theo hình thức công khai rộng rãi thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu).

- Chi phí cho các biện pháp khác của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là hệ thống chính quyền địa phương trong việc triển khai các biện pháp thực thi Luật;

- Chi phí về các trang thiết bị, các điều kiện vật chất khác;

- Chi phí có thể phát sinh đối cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân do có các vụ khiếu nại, khiếu kiện trong trường hợp người yêu cầu không thoả mãn với quyết định của cơ quan cung cấp thông tin.

Tuy nhiên, nhiều khoản chi phí chỉ phát sinh trong những năm đầu khi bắt đầu thực hiện Luật và sẽ giảm trong các năm tiếp theo.

IV. Tổ chức thực hiện Luật

Để triển khai thực hiện Luật tiếp cận thông tin đồng bộ, hiệu quả và thống nhất trên toàn quốc, Quốc hội đã quyết định dành hơn 2 năm để các cơ quan có thời gian chuẩn bị các điều kiện bảo đảm thi hành Luật. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin:

Để triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin kịp thời, hiệu quả đòi hỏi phải thực hiện nhiều công việc có liên quan như xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với Luật; tổ chức phổ biến, quán triệt tinh thần và nội dung cơ bản của Luật; vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin; rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mối cung cấp thông tin... Đây là những công việc thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, quá trình thực hiện cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Do vậy, để đảm bảo việc triển khai thi hành Luật kịp thời, thống nhất, hiệu quả, cần phải xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật.

2. Soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và truyền thông, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với Luật tiếp cận thông tin.

Bên cạnh việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật tiếp cận thông tin, nhằm triển khai Luật tiếp cận thông tin có hiệu quả, trên cơ sở quy định của Luật, các văn bản như Quy chế nội bộ của các cơ quan để thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin, Thông tư hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp và quy trình bảo vệ thông tin và bảo vệ các hệ thống quản lý thông tin, Thông tư hướng dẫn về chi phí tiếp cận thông tin cũng sẽ được nghiên cứu, ban hành. Các văn bản này cần phải được ban hành sớm để có hiệu lực đồng thời với Luật tiếp cận thông tin theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Tổ chức phổ biến, tập huấn nội dung của Luật

- Để thống nhất và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong việc triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin, Bộ Tư pháp sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan tổ chức hội nghị quán triệt việc thi hành Luật, phổ biến nội dung cơ bản và tinh thần của Luật cho đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Đối với địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hội nghị quán triệt việc thi hành Luật, phổ biến nội dung cơ bản và tinh thần của Luật cho các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin tại địa phương.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan biên soạn và cấp phát tài liệu phục vụ hội nghị quán triệt và phổ biến nội dung của Luật; xây dựng sổ tay hướng dẫn cho người làm đầu mối cung cấp thông tin và công dân.

- Với mục đích trang bị cho các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin các hiểu biết sâu về các nội dung cơ bản của Luật để thực hiện cung cấp thông tin cho công dân khi Luật có hiệu lực:

+ Ở Trung ương, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức các Hội nghị tập huấn chuyên sâu về việc cung cấp thông tin cho các cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin (gồm cán bộ, công chức các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan ở Trung ương).

+ Ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tập huấn chuyên sâu về việc cung cấp thông tin cho cán bộ, công chức làm đầu mối cung cấp thông tin.

Ngoài các nội dung nêu trên, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương mình chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

4. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của công dân; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với Điều 3 của Luật tiếp cận thông tin

Theo tinh thần của Luật, nhiệm vụ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của công dân chủ yếu do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan có liên quan trực tiếp thực hiện việc rà soát, gửi kết quả rà soát về Bộ Tư pháp để tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trình Thủ tướng Chính phủ đối với các văn bản do các cơ quan ở Trung ương ban hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với văn bản do địa phương ban hành. Việc thực hiện nhiệm vụ này cũng nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở nhiệm vụ Luật giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan phối hợp

với Bộ Thông tin và Truyền thông vận hành công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; rà soát, phân loại, lập danh mục các thông tin phải được công khai và thông tin không được công khai; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp, không cung cấp; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin do cơ quan mình tạo ra; số hóa các văn bản, hồ sơ, tài liệu và kết nối với mạng điện tử trên toàn quốc nhằm tăng cường cung cấp thông tin qua mạng điện tử theo đúng tinh thần của Luật về tăng cường tính chủ động của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin và giảm chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan xây dựng Đề án của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin đối với các thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra.

5. Rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mối cung cấp thông tin

Nhằm chuẩn bị điều kiện về nhân lực cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin rà soát đội ngũ cán bộ, công chức để có biện pháp bố trí bộ phận hoặc cán bộ, công chức đủ năng lực, trình độ làm công tác này. Theo đó, cán bộ, công chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin cho công dân là người cần phải nắm rõ quy định của pháp luật về thông tin được cung cấp, thông tin không được cung cấp, thông tin hạn chế tiếp cận và phải rà soát để đảm bảo tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp cũng như thông thạo về công nghệ thông tin để cung cấp thông tin qua mạng điện tử, áp dụng công nghệ thông tin để cung cấp thông tin cho công dân, do đó, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cần ưu tiên bố trí những người có kinh nghiệm làm công tác pháp luật hoặc/và tin học.

6. Về kinh phí triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin

- Kinh phí triển khai Luật tiếp cận thông tin được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định có trách nhiệm lập dự toán kinh phí bảo đảm việc triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật.

- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm kinh phí, nhân lực để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của các Bộ, ngành và địa phương.
